

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/DS-PT
Ngày 23 - 11 - 2018
Về việc: “T/c HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:*** Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/TLPT-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DSST ngày 16-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2018/QĐPT-DS ngày 03-10- 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐPT-DS ngày 25-10-2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà NTTN, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: 1487/16 đường B, phường 12, thành phố Z, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Bị đơn:*** Bà NTH, sinh năm 1981 và ông LĐT, sinh năm 1970 (Bà NTH vắng mặt, ông LĐT có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 6/133 Ô 1, khu phố HB, thị trấn LH, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Người làm chứng:*** Ông LNH, sinh năm 1979 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà NTTN trình bày:***

Ngày 31/3/2017 Bà cho bà NTH và ông LĐT vay số tiền 150.000.000đồng, không tính lãi suất. Khi vay hai bên có lập “Hợp đồng cho cá

nhân vay tiền” có chữ ký của Bà NTH cùng người làm chứng là LNH. Mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay không ghi trong hợp đồng nhưng hai bên có thỏa thuận và ghi trong “giấy nhận tiền” cùng ngày là vay trong thời hạn từ ngày 31/3/2017 đến ngày 09/4/2017. Khi vay, Bà NTH và ông LĐT có giao cho Bà giữ 01 Sổ hộ khẩu do ông LĐT làm chủ hộ và 01 chứng minh thư nhân dân tên NTH. Quá thời hạn trả nợ nhưng không trả nên Bà khởi kiện buộc Bà NTH và ông LĐT phải trả cho Bà số tiền đã vay là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà rút yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên và đồng ý trả lại sổ hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân khi nhận đủ tiền.

- Bị đơn bà NTH và ông LĐT:

Ông LĐT và Bà NTH đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 6/133 ô1, khu phố HB, thị trấn LH, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông LĐT vẫn cư trú tại địa chỉ này, còn Bà NTH đã bỏ đi khỏi địa phương từ đầu năm 2017 đến nay. Bà NTH, ông LĐT đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc.

- Người làm chứng, ông LNH trình bày:

Ngày 31/3/2017 tại địa chỉ tổ 6/133 Ô1, khu phố HB, thị trấn LH, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Ông đã chứng kiến toàn bộ nội dung việc vay tiền và cho vay tiền giữa bà NTTN và Bà NTH, ông LĐT đúng như nguyên đơn đã trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DSST ngày 16-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện X đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTTN đối với Bà NTH và ông LĐT về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà NTH và ông LĐT có nghĩa vụ trả cho bà NTTN số tiền đã vay là 150.000.000 đồng.

- Bà NTTN có nghĩa vụ giao trả cho ông LĐT và bà Hiền 01 Sổ hộ khẩu do ông LĐT đứng tên chủ hộ và 01 chứng minh nhân dân đứng tên Bà NTH.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà NTTN về việc yêu cầu tính lãi suất trên số tiền đã vay 150.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định chữ ký, tiền án phí, lãi suất trong gia đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26-8-2018, bị đơn ông LĐT kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bởi các lý do nêu ra trong bản án hoàn toàn sai sự thật.

+ Ông và bà NTTN, LNH chưa bao giờ biết mặt nhau cũng như chưa bao giờ có cuộc gặp gỡ hay tiếp xúc nào.

+ Ông và Bà NTH đã ly thân nhau từ năm 2016 và có quyết định ly hôn vào tháng 6/2017. Thời điểm Bà NTH giao dịch vay tiền với bà NTTN là 31/3/2017, nên Ông không biết và không liên quan đến việc vay mượn tiền này.

+ Bản án tuyên: Mục đích vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh với tài sản đảm bảo là sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân là thể hiện sự vô lý. Trong khi Ông có doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu hoạt động có uy tín và có tài sản là bất động sản mà lại vay tiền của một người không quen biết và không lấy lãi .

+ Theo bản án thể hiện Bà NTH bỏ đi khỏi địa phương từ đầu năm 2017, vậy tại sao ngày 31/3/2017 Bà NTH vẫn mượn tiền từ bà NTTN tại nhà. Tại sao lại buộc Ông phải có nghĩa vụ chi trả cho giao dịch Ông không hề liên quan?

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn thừa nhận việc cho Bà NTH vay tiền ông LĐT không có mặt và cũng không có sự bàn bạc với nhau. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông LĐT.

Ông LĐT vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng Ông không phải là bị đơn và không có nghĩa vụ trả nợ cho bà NTTN như án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, mặc dù hai người đã ly hôn, nhưng vì tình nghĩa vợ chồng bao nhiêu năm và tại phiên tòa bà NTTN cũng đã nói lên sự thật việc cho Bà NTH vay tiền không có sự chứng kiến của Ông. Ông và bà NTTN cũng chưa bao giờ gặp nhau để bàn bạc về việc vay tiền; việc vay tiền của Bà NTH là không hề liên quan đến Ông, nên Ông sẽ tự nguyện trả toàn bộ số tiền nợ trên thay cho Bà NTH. Sự tự nguyện trả nợ thay cho Bà NTH của ông LĐT được bà NTTN chấp nhận.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà NTTN rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông LĐT, chỉ yêu cầu một mình Bà NTH có nghĩa vụ trả nợ số tiền 150.000.000 đ. Việc rút đơn của bà NTTN được ông LĐT chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ việc giải quyết đối với nội dung yêu cầu này. Ông LĐT không phải là bị đơn, nhưng là người có quyền lợi liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa, ông LĐT tự nguyện trả nợ thay cho Bà NTH số tiền 150.000.000 đồng và bà NTTN tự nguyện chịu tất cả các khoản chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm là không trái với quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông LĐT, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn theo hướng Bà NTH có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ 150.000.000 đồng cho bà NTTN. Bà NTTN có nghĩa vụ hoàn trả cho ông

LĐT Bà NTH 01 Sổ hộ khẩu và 01 chứng minh thư nhân dân đã nhận khi cho Bà NTH vay tiền. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc: Ông LĐT tự nguyện trả nợ thay cho Bà NTH số tiền 150.000.000 đồng và bà NTTN tự nguyện chịu tất cả các khoản chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn bà NTH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà NTH.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông LĐT đã tự nguyện giao đủ cho bà NTTN số tiền 150.000.000 đồng thay cho Bà NTH. Nguyên đơn rút một phần khởi kiện đối với ông LĐT. Xét thấy, việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn là không trái với quy định của pháp luật và được bị đơn chấp nhận, nên hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện này theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông LĐT không phải là bị đơn, nhưng vẫn là người có quyền lợi liên quan trong vụ án về yêu cầu bà NTTN trả lại cho Ông 01 sổ hộ khẩu do Ông đứng tên chủ hộ. Bà NTH vắng mặt, không có kháng cáo, nhưng việc xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của ông LĐT có liên quan đến ông LĐT và Bà NTH, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

Căn cứ vào chứng cứ là “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” và “Giấy nhận tiền mặt” ngày 31/3/2017 giữa bà NTTN và bà NTH do nguyên đơn cung cấp, nhận thấy:

Nội dung của các chứng cứ này thể hiện: Bên cho vay tiền là bà NTTN và bên vay tiền là Bà NTH với số tiền vay 150.000.000 đồng. “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” và “Giấy nhận tiền mặt” không có chữ ký của ông LĐT.

Căn cứ vào kết quả giám định chữ viết, chữ ký của Bà NTH trong “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” và “Giấy nhận tiền mặt”, có đủ cơ sở kết luận Bà NTH vay của bà NTTN số tiền là 150.000.000 đồng là có thật.

Việc nguyên đơn cho rằng: Bà NTH vay tiền với mục đích để bổ sung vốn kinh doanh, nhưng không có căn cứ để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện việc đối chất trực tiếp giữa bà NTTN và ông LĐT, ông LĐT không thừa nhận việc vay mượn tiền của Bà NTH là đem về sử dụng cho việc kinh

doanh hoặc giải quyết các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc Bà NTH vay tiền của bà NTTN ông LĐT không hề hay biết. Nguyên đơn cũng thừa nhận ý kiến trình bày của ông LĐT là đúng sự thật và đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông LĐT. nên không có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như cấp sơ thẩm đã xác định.

Cần chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của bà NTTN về việc buộc Bà NTH phải trả cho bà NTTN số tiền 150.000.000 đồng. Do bà NTTN rút yêu cầu tính lãi của số tiền vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi.

[3] Về chi phí giám định: 3.000.000đ (ba triệu đồng) bà NTTN tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp đủ).

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà NTTN tự nguyện chịu toàn bộ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có căn cứ để chấp nhận việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận ý kiến của ông LĐT, hủy một phần án sơ thẩm, đình chỉ việc xét xử đối với bị đơn ông LĐT và sửa bản án sơ thẩm.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà NTTN và ông LĐT với nội dung: Ông LĐT tự nguyện trả nợ cho bà NTTN số tiền 150.000.000 đồng thay cho Bà NTH. Bà NTTN có nghĩa vụ trả cho ông LĐT 01 Sổ hộ khẩu do ông LĐT đứng tên chủ hộ và có nghĩa vụ trả lại cho Bà NTH 01 chứng minh thư nhân dân đứng tên Bà NTH sau khi tuyên án phúc thẩm. Bà NTTN tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định và án phí sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299, 311 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận yêu cầu rút một phần khởi kiện của bà NTTN đối với bị đơn ông LĐT. Hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị đơn ông LĐT.

- Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

Ông LĐT tự nguyện trả nợ cho bà NTTN số tiền 150.000.000đồng thay cho bà NTH.

Bà NTTN có nghĩa vụ giao trả cho ông LĐT 01 sổ hộ khẩu số 6240/LH cấp ngày 15/4/2016 do ông LĐT đứng tên chủ hộ và trả lại cho Bà NTH 01 chứng minh nhân dân số 273294321 tên NTH cấp ngày 19/4/2005 sau khi tuyên

án phúc thẩm. Bà NTTN tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định 3.000.000 đồng và án phí sơ thẩm 7.500.000 đồng.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, sửa Bản án sơ thẩm số 18/2018/DSST ngày 16-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện X.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTTN đối với bà NTH về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

+ Buộc bà NTH phải có nghĩa vụ trả cho bà NTTN số tiền đã vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” và “Giấy nhận tiền mặt” ngày 31/3/2017.

(Việc trả số tiền vay 150.000.000 đồng cho bà NTTN đã được ông LĐT tự nguyện trả nợ thay cho Bà NTH tại phiên tòa, nên đã thực hiện xong).

2. Về án phí sơ thẩm: 7.500.000 đồng bà NTTN tự nguyện chịu toàn bộ. Cản trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 3.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006030 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X nên còn phải nộp tiếp số tiền 3.750.000 đ (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông LĐT số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004415 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 23/11/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H X;
- Chi cục THADS H X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Ngọc Thiện